| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN N**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 91/2019/QĐST-HNGĐ | *N, ngày 09 tháng 4 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN
**V/v Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi**

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

***Thành phần giải quyết việc hôn nhân gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Bà **Đặng Thị Huệ**

*Thư ký phiên họp:* Ông **Huỳnh Minh Đức –** Thư ký TAND quận N

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên họp:* Ông **Nguyễn Xuân Lộc** - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân thụ lý số 755/2018/TLST-VHN ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: ***"Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi"*** theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân số 755/2019/QĐST-VHN ngày 26 tháng 3 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc H,** sinh năm 1981;

Địa chỉ: 162/5 đường P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đỗ Minh T**, sinh năm 1983;

Bà **Lê Phương T1**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: E4-3 đường 47 KDC 586, Khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

*(Các đương sự có mặt tại phiên họp).*

## NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN:

*Bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:* Cháu Đỗ Phương C, sinh năm 2013 là con ruột của ông Đỗ Minh T và bà Lê Phương T1, ông T và bà T1 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ E4 -3 đường 47 – KDC 586 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Vào thời điểm năm 2013 (khi sinh cháu Đỗ Phương C), thì tại khu vực T, phường P, quận C, nơi ông T, bà T1 có hộ khẩu thường trú chưa có trường mẫu giáo cho các bé nhỏ học, nên không có điều kiện cho cháu đến trường. Và cũng do tại thời điểm đó cha mẹ ruột bé C bận buôn

bán ở chợ từ sáng sớm, việc đưa rước cháu C hàng ngày gặp nhiều khó khăn. Do vậy, bà và chồng bà có thỏa thuận với ông T và bà T1 nhận cháu ruột Đỗ Phương C làm con nuôi để cháu nhập hộ khẩu vào hộ khẩu của bà tại quận N, nhằm tạo điều kiện cho cháu vào học ở các trường điểm tại quận N. Việc nhận con nuôi này được Ủy ban nhân dân phường A công nhận bằng giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2015 ngày 17/01/2015.

Hiện nay, chồng bà – ông Nguyễn Văn S đã mất, một mình bà không có điều kiện chăm sóc cháu C. Hơn nữa cuộc sống gia đình của ông T và bà T1 đã ổn định, tại khu vực T, phường P, quận C đã mở nhiều trường mẫu giáo nên việc gửi cháu C vào học được dễ dàng và thuận lợi. Cha mẹ ruột của cháu cũng có mong muốn nhận lại con, do vậy, bà H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận N xem xét và giải quyết cho bà được chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với bé Đỗ Phương C.

*Ông Đỗ Minh T, bà Lê Phương T1 trình bày tại bản tự khai và phiên họp:*

Xác định vào năm 2015, vợ chồng ông bà có thỏa thuận với ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị Ngọc H cho cháu Đỗ Phương C (con ruột của ông bà) làm con nuôi đỡ đầu cho ông S, bà H và nhằm để cháu có hộ khẩu tại quận N, dễ dàng cho việc xin vào học tại các trường tốt trên địa bàn quận. Tuy nhiên, hiện giờ ông S đã mất (mất ngày 28/4/2018), nên việc nhận bé C làm con đỡ đầu không còn cần thiết nữa và do thực tế từ trước đến nay cháu C vẫn sống chung với ông bà, mọi việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu vẫn do ông bà lo, cháu C thực tế không có sống chung với cha mẹ nuôi. Nay bà H đồng ý giao trả lại bé C nên ông bà đồng ý nhận lại con ruột của mình và không yêu cầu bất cứ điều kiện gì đối với bà H.

Tại phiên họp:

Bà Huỳnh Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với bé Đỗ Phương C, sinh ngày 13/8/2013.

Ông Đỗ Minh T, bà Lê Phương T1: Thống nhất nhận lại con, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, người tiến hành tố tụng, của đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ việc*: Bà Huỳnh Thị Ngọc H và chồng là ông Nguyễn Văn S nhận cháu Đỗ Phương C làm con nuôi là để "đỡ đầu" do ông bà kết hôn lâu nhưng chưa có con, đồng thời để cháu C có hộ khẩu tại quận N, được học tại cái trường tốt tại địa bàn quận, nay ông S đã mất, việc nhận con đỡ đầu không còn ý nghĩa nên bà H có yêu cầu được chấm dứt nuôi con nuôi với cháu C và thực tế từ khi nhận con nuôi đến nay, giữa bà H và con nuôi không phát sinh quan hệ nuôi dưỡng…Như vậy, mục đích nhận con nuôi của bà H là vi phạm khoản 7 Điều 13 Luật nuôi con nuôi năm 2010 *"vi phạm phong tục tập quán, đạo đức, truyền*

*thống văn hóa của dân tộc".* Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 7 Điều 13; khoản 4 Điều 25 Luật nuôi con nuôi, khoản 5 Điều 29, Điều 361 và 369 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên bố chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi giữa bà Huỳnh Thị Ngọc H đối với cháu Đỗ Phương C

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận N nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu của bà H về việc chấm dứt nuôi con nuôi là yêu cầu về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 5 Điều 29 và khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà H:

Qua đơn yêu cầu và lời trình bày của bà H cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp cho thấy: Việc bà H và chồng là ông Nguyễn Văn S (mất năm 2018) làm thủ tục nhận cháu Đỗ Phương C, sinh năm 2013 làm con nuôi đã được Ủy ban nhân dân phường A cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi theo đúng quy định tại Điều 9 Luật nuôi con nuôi. Qua xác minh lời trình bày của bà H về mục đích nhận con nuôi cho thấy, việc bà H nhận cháu Phương C làm con nuôi không nhằm mục đích xác lập quan hệ cha mẹ và con lâu dài, bền vững theo quy định tại Điều 2 Luật nuôi con nuôi mà chỉ nhằm để "đỡ đầu" và để cháu C có hộ khẩu tại quận N, thuận tiện cho việc đi học của cháu về sau. Và thực tế xác minh cho thấy, từ khi sinh ra đến nay, cháu C vẫn sống cùng cha mẹ ruột là ông T và bà T1, việc nuôi dạy, chăm sóc cháu vẫn do cha mẹ ruột cháu lo. Do vậy, việc nhận con nuôi của bà H đã "*vi phạm phong tục tập quán, đạo đức truyền thống văn hóa của dân tộc"*, quy định tại khoản 7, Điều 13 Luật nuôi con nuôi, nên cần phải chấm dứt. Từ những phân tích trên, xét thấy, có căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu của bà H về việc chấm dứt nuôi con nuôi đối với cháu Đỗ Phương C.

Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp.

[3] Về lệ phí việc hôn nhân: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào;

- Khoản 5 Điều 29, khoản 2 Điều 35, Điều 149, Điều 361, Điều 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 10; khoản 4 Điều 25, Điều 27 Luật nuôi con nuôi.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc H*:

- Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà Huỳnh Thị Ngọc H đối với cháu Đỗ Phương C, sinh ngày 13/8/2013, theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2015 ngày 17/01/2015 của Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Quyền, nghĩa vụ giữa mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Vì lợi ích tốt nhất của cháu Đỗ Phương C, tiếp tục giao cháu cho cha mẹ ruột là ông Đỗ Minh T và bà Lê Phương T1 (cùng HKTT tại E4-3 đường 47 KDC 586, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ) chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến trưởng thành.

2. *Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình*: Bà H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí bà đã nộp theo Biên ait hu số 000672 ngày 06/12/2018 thành lệ phí

3. *Quyền kháng cáo, kháng nghị:* Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự
- VKSND Q. N;
- TAND TP.Cần Thơ;
- THA DS Q. N;
- UBND Phường A;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**(Đã ký)**

**Đặng Thị Huệ**